

Số: /KH-SNN

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Phát triển nông nghiệp, nông thôn và Đầu tư công năm 2023

Thực hiện Công văn số 3555/UBND-TH của UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH và kế hoạch đầu tư công năm 2023; Công văn số 1962/SKHĐT-THQH ngày 21/7/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Công văn số 1960/SKHĐT-THQH ngày 21/7/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2023. Trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm, dự báo kết quả thực hiện năm 2022, Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn và Đầu tư công năm 2023, như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2022 trong điều kiện thời tiết có diễn biến phức tạp, dị thường; tình hình thế giới, khu vực và trong nước có nhiều biến động khó lường, tình hình xung đột giữa Nga-Ukraine xảy ra, cùng với chính sách Zero COVID của Trung Quốc,... dẫn đến gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, tiêu thụ nông sản gặp nhiều khó khăn; ảnh hưởng của đại dịch Covid -19, giá nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào phục vụ sản xuất tăng cao, diện tích đất nông nghiệp tiếp tục bị thu hẹp do phát triển công nghiệp và đô thị; lực lượng lao động trong nông nghiệp tiếp tục suy giảm mạnh do chuyển dịch sang lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ... đã làm cho sản xuất nông nghiệp của tỉnh gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ngành nông nghiệp và PTNT đã phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban, ngành, địa phương, bà con nông dân, doanh nghiệp khắc phục khó khăn, triển khai thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 106/QĐ-BNN-KH ngày 12/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022; ban hành Kế hoạch số 16/KH-SNN ngày 27/01/2022 để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho từng lĩnh vực, đơn vị; Quyết định số 66/QĐ-SNN ngày 25/02/2022 giao

nhệm vụ trọng tâm cho người đứng đầu các đơn vị để tổ chức triển khai thực hiện; các Kế hoạch, phương án sản xuất và nhiều văn bản điều hành để định hướng, hướng dẫn các địa phương thực hiện; đồng thời chỉ đạo cơ quan chuyên môn thường xuyên bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình để kịp thời tham mưu UBND tỉnh trong công tác chỉ đạo, điều hành; chủ động tập trung thực hiện hiệu quả các đề án, dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả⁽¹⁾. Do vậy kết quả phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn 6 tháng đầu năm 2022 tiếp tục phát triển ổn định. Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm (GRDP) ngành nông, lâm và thủy sản 6 tháng đầu năm 2022 đạt 2,71% so với cùng kỳ và ước cả năm đạt 1,5%, vượt kế hoạch giao (kế hoạch giao 1%).

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

1. Kết quả sản xuất nông nghiệp

1.1. Về trồng trọt:

Theo báo cáo của Cục Thống kê tỉnh tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Đông xuân toàn tỉnh đạt gần 89,7 nghìn ha, bằng 98,3% so với cùng vụ năm trước, nguyên nhân diện tích đất trồng lúa của một số địa phương chuyển đổi một phần diện tích sang sử dụng cho mục đích khác (bị thu hồi để giải phóng mặt bằng xây dựng khu công nghiệp, khu đô thị, làm đường giao thông...), cụ thể:

* Cây lương thực có hạt

- Cây lúa: 6 tháng đầu năm 2022, tổng diện tích gieo cấy ước đạt 47.692 ha, bằng 98,4% so với cùng kỳ, bằng 48,0% KH năm 2022; năng suất ước đạt 60,6 tạ/ha; sản lượng 289.013 tấn, bằng 98,8% so với cùng kỳ, bằng 50,1% KH năm 2022, trong đó trà lúa Xuân sớm chiếm khoảng 3% , Xuân muộn chiếm 97%, các giống chủ lực như: KD18, TBR225, BC15, VNR20, Bắc thơm số 7, Đài thơm 8, TH8, BTE-1... Diện tích lúa chất lượng ước đạt 22.510 ha, bằng 108,9% so với cùng kỳ, năng suất ước đạt 61 tạ/ha, sản lượng ước đạt 137.311 tấn, bằng

(1): Đề án “Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025” (Quyết định số 1940/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án Xây dựng vùng an toàn dịch bệnh Cúm gia cầm và Niu-cát-xon đối với gà trên địa bàn huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án Phát triển tự động hóa trong nuôi thủy sản thâm canh tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2030 (Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án “Hỗ trợ các cơ sở sản xuất giống dê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025” (Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án hỗ trợ phát triển sản xuất cây ăn quả bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án xây dựng thí điểm vùng chăn nuôi bò ứng dụng công nghệ cao, tập trung, quy mô lớn trên địa bàn huyện Tân Yên, giai đoạn 2021-2026 (Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án "Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn khu vực Hồ Cẩm Sơn, giai đoạn 2021-2025" (Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh); Quy định mức hỗ trợ khoán quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh); Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh).

108,9% so với cùng kỳ, bằng 52,5% KH năm 2022. Cơ cấu giống lúa chất lượng chủ yếu là TBR 225, BC15, Bắc thơm số 7, Đài thơm 8, lúa Nhật...

Ước thực hiện năm năm 2022, diện tích gieo cấy đạt 98.192 ha, sản lượng 574.423 tấn, đạt 99,7% so với kế hoạch.

- Diện tích ngô 6 tháng đầu năm ước đạt 7.592 ha, bằng 97,6% cùng kỳ, bằng 79,1% KH năm; năng suất ước đạt 41,6 tạ/ha; sản lượng 31.619 tấn, bằng 98,3% so với cùng kỳ, bằng 77,5% KH năm. Giống ngô chủ lực: sử dụng các giống ngô lai LVN4, NK6253, CP999, NK4300, NK 4300GT/BT...; Ngô nếp sử dụng các giống có năng suất cao, chất lượng tốt như: HN88, Nếp Thái, MX6, MX10, ngô ngọt...

Ước thực hiện năm 2022, diện tích gieo trồng đạt 10.092 ha, sản lượng 42.819 tấn, đạt 104,9% so với kế hoạch.

** Cây rau các loại và cây công nghiệp ngắn ngày:*

- *Cây rau:* Diện tích 6 tháng đầu năm ước đạt 19.727 ha, bằng 100,9% so với cùng kỳ, bằng 76,1% KH năm 2022; trong đó rau an toàn 10.200 ha, bằng 103,7% so cùng kỳ, bằng 82,9% KH năm; rau chế biến đạt 2.460 ha bằng 100,2% so cùng kỳ, bằng 91,1% KH năm (gồm dưa chuột bao tử, dưa chuột nhật, ngô ngọt, cà chua bi, ớt, hành...).

Ước thực hiện năm 2022, diện tích gieo trồng rau các loại đạt 25.920 ha, sản lượng 471.744 tấn, đạt 100% so với kế hoạch.

- *Cây khoai lang:* Diện tích ước đạt 3.192 ha, bằng 89,9% so cùng kỳ, bằng 79,8% KH năm 2022; ước năng suất đạt 116,8 tạ/ha; sản lượng 37.294 tấn, bằng 89,9% so cùng kỳ, bằng 82,5% KH năm 2022, các giống sử dụng chủ yếu như Hoàng Long, khoai Nhật, một số giống khoai lang ăn lá lấy ngọn làm rau...

Ước thực hiện năm 2022 diện tích gieo trồng đạt 3.700 ha, sản lượng 42.180 tấn, đạt 92% so với kế hoạch.

- *Lạc:* Diện tích 6 tháng đầu năm ước đạt 6.819 ha, bằng 94,6% cùng kỳ, bằng 85,2% KH năm 2022; năng suất ước đạt 26,5 tạ/ha; sản lượng 18.069 tấn, bằng 95,0% cùng kỳ, bằng 85,9% KH năm 2022. Cơ cấu giống chủ lực là L14, L18, L26...

Ước thực hiện năm 2022, diện tích gieo trồng đạt 8.069 ha, sản lượng 21.289 tấn, đạt 101,2% so với kế hoạch.

** Cây ăn quả:*

- *Cây vải:* Diện tích ước đạt 29.698 ha, bằng 105% so cùng kỳ, bằng 105% KH năm 2022, ước sản lượng dự kiến khoảng trên 199.567 tấn. Vải sản xuất theo hướng VietGAP diện tích đạt 15.400 ha, bằng 101,3% so cùng kỳ, bằng 100% KH năm; Vải GlobalGAP, vải cấp mã xuất sang thị trường Mỹ, Nhật, EU diện tích là 555,51 ha, bằng 107,0% cùng kỳ, bằng 103,1% KH năm 2022.

- *Cây cam:* Diện tích ước đạt 4.500 ha, bằng 86,4% so với cùng kỳ, bằng 88,9% KH năm 2022; trong đó: Cam đường canh diện tích ước đạt 1.900 ha, bằng 82,6% so với cùng kỳ, bằng 87,2% KH năm 2022.

- *Cây bưởi*: Diện tích ước đạt 5.669 ha, bằng 98,6% so với cùng kỳ, bằng 100,7% KH năm 2022, trong đó: bưởi Diễn diện tích ước đạt 2.750 ha, bằng 100,0% so với cùng kỳ, bằng 100,0% KH năm.

Ngoài ra một số cây ăn quả khác như: dưa, na, táo, vũ sữa, ôi, nhãn,... giữ ổn định so với cùng kỳ.

Nhìn chung lĩnh vực trồng trọt, các loại cây trồng chủ lực tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất với quy mô lớn, có sự hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị; việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến như VietGAP, GlobalGAP, UDCNC,... được quan tâm và nhân rộng. Nhiều mô hình cho hiệu quả kinh tế cao như: Mô hình sản xuất khoai tây tại xã Bảo Đài - Lục Nam; Mô hình sản xuất khoai tây liên kết của HTX Quang Trung xã Lan Giới-Tân Yên... cho thu nhập ước đạt 120 triệu đồng/ha; Mô hình sản xuất rau cần tại xã Hoàng Lương, Hoàng Thanh - Hiệp Hòa liên kết bao tiêu sản phẩm với HTX Lý Hùng, HTX Dương Hảo, HTX Hoàng Hậu, HTX Hoàng Lương cho thu nhập 490 triệu đồng/ha; Mô hình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP của hợp tác xã rau sạch Yên Dũng tại xã Tiến Dũng, sản phẩm chủ yếu cung cấp cho các công ty, trường học, siêu thị, chuỗi nhà hàng sạch tại TP Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh cho thu nhập 130 triệu/ha; Mô hình sản xuất dưa bao tử với diện tích 10 ha tại các xã Quang Thịnh, Xương Lâm, Đào Mỹ - Lạng Giang cho thu nhập trên 200 triệu đồng/ha; Mô hình sản xuất ngô ngọt: vùng sản xuất ngô ngọt tập trung tại các xã Ngọc Lý, Lam Cốt, Ngọc Vân - Tân Yên; vùng trồng ngô ngọt tại Mai Trung - Hiệp Hòa... cho thu nhập ước đạt 138 triệu đồng/ha.

1.2. Về Chăn nuôi

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Sở Nông nghiệp và PTNT luôn bám sát chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh, chủ động nắm bắt tình hình chăn nuôi, dịch bệnh trên đàn vật nuôi, tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh kịp thời và hiệu quả, đàn vật nuôi trên địa bàn phát triển khá ổn định. Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng đàn vật nuôi, nhất là đối với đàn gà và đàn lợn để hướng đến thị trường xuất khẩu chính ngạch; giữ vững thương hiệu gà đồi Yên Thế; thu hút đầu tư xây dựng vùng chăn nuôi bò ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện Tân Yên.

Chăn nuôi đã có sự chuyển biến rõ nét về tổ chức sản xuất theo hướng trang trại, tập chung theo chuỗi khép kín, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được đẩy mạnh. Bên cạnh hai đối tượng vật nuôi chủ lực là lợn, gà phát triển khá ổn định, các đối tượng vật nuôi khác như: bò, ngựa bạch, dê, thỏ, ong mật,... cũng phát triển tùy theo lợi thế từng vùng đã góp phần đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao giá trị sản xuất. Tuy nhiên, đàn gia súc (trâu) vẫn có xu hướng giảm.

Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đàn gia súc vẫn có xu hướng giảm, gia cầm phát triển ổn định. Trong 6 tháng đầu năm 2022, đàn vật nuôi tỉnh Bắc Giang đạt kết quả như sau:

- *Đàn trâu*: vẫn tiếp tục giảm, 6 tháng đầu năm tổng đàn đạt 32,252 nghìn con, bằng 86,9% so với cùng kỳ và đạt 80,6% kế hoạch cả năm, ước cả năm tổng đàn đạt 33 nghìn con, bằng 93% so với năm trước và bằng 82,5% kế hoạch năm 2022, nguyên nhân là do diện tích chăn thả thu hẹp.

Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng 6 tháng đầu năm đạt 0,8 nghìn tấn, bằng 82,2% so với cùng kỳ và đạt 40,3% kế hoạch năm, ước cả năm đạt 1,6 nghìn tấn bằng 81% so với năm trước và đạt 80% kế hoạch năm 2022.

- *Đàn bò*: 6 tháng đầu năm đạt 112,252 nghìn con, bằng 92,6% so với cùng kỳ và đạt 83,1 % kế hoạch năm, ước cả năm đạt 120 nghìn con, đạt 101% so với năm trước và đạt 90,4 kế hoạch năm 2022.

Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng 6 tháng đầu năm đạt 2,6 nghìn tấn, bằng 93,5% so với cùng kỳ và đạt 40,8% kế hoạch năm, ước cả năm đạt 6,0 nghìn tấn bằng 96,8% so với năm trước và đạt 95,2% năm kế hoạch 2022.

- *Đàn lợn*: 6 tháng đầu năm đạt 931,1 nghìn con, bằng 108% so với cùng kỳ năm 2021 và bằng 95,9% kế hoạch năm, ước cả năm đạt 970 nghìn con, đạt 107,7% so với năm trước và đạt 100% kế hoạch năm 2022; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 6 tháng đầu năm đạt 86,9 nghìn tấn, bằng 96,7% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 52,7% so với KH 2022, ước cả năm đạt 177 nghìn tấn, bằng 108,5% so với năm trước, bằng 107,3% kế hoạch năm 2022.

- *Chăn nuôi gia cầm* phát triển tốt, thị trường tiêu thụ ổn định và số đầu con tiếp tục tăng dần, toàn tỉnh hiện có 19,3 triệu con, tăng 1,1% so với cùng kỳ, đạt 96,5% so với kế hoạch năm, ước cả năm đạt 20 triệu con, bằng 100% kế hoạch năm 2022; trong đó tổng đàn gà tăng 0,2% (đạt 16,2 triệu con) so với cùng kỳ. Sản lượng thịt hơi gia cầm xuất chuồng đạt 53,1 nghìn tấn, bằng 109,4% so với cùng kỳ (trong đó sản lượng gà xuất chuồng ước đạt 43,2 nghìn tấn, tăng 7,7% so với cùng kỳ năm 2021), ước cả năm đạt 98 nghìn tấn bằng 99,6% so cùng kỳ, bằng 170% kế hoạch năm 2022.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, tổng sản lượng thịt hơi các loại gia súc, gia cầm toàn tỉnh đạt 143,7 tấn, đạt 107,6% so với cùng kỳ năm 2021 (133.567 tấn), bằng 62,5% so với CK năm 2021. Ước cả năm 2022 sản lượng thịt hơi các loại toàn tỉnh đạt 283,3 nghìn tấn, tăng 5% so năm 2021.

2. Về thủy sản

Sản xuất thủy sản 6 tháng đầu năm nhìn chung khá thuận lợi cho hoạt động nuôi trồng thủy sản, các tháng đầu năm nền nhiệt độ cao, không có rét đậm, rét hại nên vụ sản xuất cá giống và mùa vụ sản xuất thủy sản sớm hơn so với mọi năm, thời tiết tương đối ôn hòa giúp cho việc nuôi trồng thuận lợi hơn. Số lượng cá bột sinh sản ước đạt 656 triệu con cá bột các loại (*cá chép lai, trắm cỏ, cá mè, cá trôi, cá chim*) đạt 82,0% so KH năm và bằng 105,8% so với cùng kỳ.

Diện tích mặt nước đã đưa vào nuôi trồng thủy sản 12.200 ha, đạt 100 % so với KH năm. Diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh trên địa bàn tỉnh đạt 4.520 ha, cụ thể: diện tích nuôi thâm canh năng suất cao bình quân 10 tấn/ha là

1.820 ha, trong đó diện tích nuôi thâm canh theo hướng VietGap là 830 ha; diện tích nuôi bán thâm canh năng suất bình quân 5 tấn/ha là 2.700 ha.

Sản lượng thu hoạch cá thương phẩm 06 tháng đầu năm đạt 24.240 tấn, bằng 47,1% so với KH năm và bằng 108,3% so với cùng kỳ; ước thực hiện cả năm đạt 51.750 tấn đạt 100,5% so với kế hoạch năm và đạt 102,3% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 48.250 tấn, khai thác tự nhiên 3.500 tấn. Giá cá thương phẩm tại ao thời điểm này trung bình đạt 38.000 đ/kg cao hơn so với cùng kỳ năm 2021 là 3.000 đ/kg.

3. Về lâm nghiệp

Trong 6 tháng đầu năm công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tiếp tục được cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến huyện, xã vào cuộc quyết liệt đạt nhiều kết quả quan trọng, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội chung của tỉnh. Hiện nay nội dung Quy hoạch lâm nghiệp đã được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022. Cơ cấu 03 loại rừng hiện nay cơ bản phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác phát triển rừng, đầu tư thâm canh rừng trồng được chủ rừng quan tâm; công tác quản lý giống lâm nghiệp được tăng cường nhằm cung cấp đủ nhu cầu giống tốt cho người sản xuất, đã đưa một số giống mới vào trồng rừng, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng rừng. Nghề rừng đã tạo ra việc làm, có thu nhập ổn định cho người dân địa phương, nhất là các huyện miền núi trên địa bàn tỉnh. Hiệu quả và thu nhập từ kinh tế rừng ngày càng được khẳng định, góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao thu nhập và làm giàu cho nhân dân miền núi, Kết quả đạt được như sau:

- *Công tác phát triển rừng*: Tiếp tục được quan tâm với mục tiêu tập trung đẩy mạnh thực hiện Chương trình 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 266/KH-UBND ngày 21/4/2022 về việc điều chỉnh Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình 1 tỷ cây xanh; tăng cường công tác quản lý giống cây lâm nghiệp; trong 06 tháng đầu năm 2022 tỉnh Bắc Giang thực hiện trồng rừng được 6.500 ha, ước thực hiện đến hết năm 2022 trồng được 9.088 ha rừng các loại, đạt 126,2% kế hoạch; trồng cây phân tán khoảng 6,1 triệu cây, đạt 100% kế hoạch; trồng rừng gỗ lớn khoảng 1.170 ha, đạt 100% kế hoạch; chăm sóc rừng khoảng 16.700 ha, đạt 100% kế hoạch giao. Số lượng cây giống xuất vườn năm 2022 ước đạt trên 33 triệu cây, trong đó số cây xuất vườn sản xuất, tỷ lệ cây giống được sản xuất bằng công nghệ cao (phương pháp nuôi cấy mô tế bào, giâm hom) chiếm 72,6 %, số cây giống có nguồn gốc xuất xứ là 33.514.200 chiếm 99,8%. Khai thác gỗ rừng trồng năm 2022 ước đạt 1,0 triệu m³, trong đó toàn bộ khai thác từ gỗ rừng trồng, năng suất rừng trồng sản xuất bình quân đạt 21,5 m³/ha/năm.

Đối với rừng tự nhiên: khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên có trồng bổ sung năm 1 là 20 ha (*BQL rừng phòng hộ Cẩm Sơn 10 ha, BQL rừng phòng hộ Sơn Động 5 ha, BQL bảo tồn Tây Yên Tử 5 ha*).

- *Công tác bảo vệ rừng tự nhiên*: Lực lượng Kiểm lâm tăng cường công tác bảo vệ rừng, nhất là diện tích trên 55.000 ha rừng tự nhiên hiện có. Từ đầu năm 2022 đến cuối tháng 4, lực lượng Kiểm lâm đã lập biên bản và xử lý vi phạm 49 vụ chặt phá rừng tự nhiên, tổng diện tích bị phá là 26,193 ha (trong đó có 15,422 ha là rừng khoanh nuôi tái sinh chưa có trữ lượng gỗ, 10,771 ha là rừng tự nhiên nghèo kiệt); từ đầu tháng 5 đến nay, sau khi được chính quyền địa phương và các ngành chức năng vào cuộc quyết liệt, xử lý nghiêm minh các vụ vi phạm, đã không còn tình trạng phát, phá mới rừng tự nhiên để trồng rừng kinh tế.

- *Công tác hỗ trợ khoán bảo vệ rừng*: Năm 2022, toàn tỉnh thực hiện khoán, hỗ trợ bảo vệ rừng với tổng diện tích 32.199 ha, kinh phí thực hiện 12.648 triệu đồng, đạt 102% kế hoạch. Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị cơ sở và chủ rừng tăng cường kiểm tra diện tích rừng được giao khoán để ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm xảy ra.

- *Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR)*: Công tác PCCCR đã được UBND các huyện, xã có rừng và các chủ rừng lớn quan tâm, thực hiện; các kế hoạch, phương án PCCCR đã được triển khai thực hiện; Chi cục Kiểm lâm chuẩn bị máy móc, trang thiết bị, dụng cụ chữa cháy sẵn sàng ứng cứu khi có cháy rừng xảy ra; Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Bắc Giang thông tin cảnh báo cháy rừng kịp thời; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình PCCCR như: hạ cấp thực bì, xây dựng, tu bổ các đường băng trắng, đường băng xanh cản lửa và các băng tin, biển báo phục vụ cho công tác PCCCR. Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh chỉ xảy ra 01 vụ cháy rừng, gây thiệt hại 0,5 ha rừng trồng, so với cùng kỳ năm 2021 giảm 5 vụ (- 83,3%), diện tích thiệt hại giảm 6,0 ha (-92,3%).

4. Về công tác thủy lợi, quản lý đê điều và PCLB

4.1. Công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi

Đã thực hiện đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị và địa phương chủ động bơm nước tưới cho diện tích vụ Chiêm Xuân và tiêu úng kịp thời. Trong 6 tháng đầu năm: Đã thực hiện tưới cho 76.302/76.300 ha đạt 100% kế hoạch (*trong đó lúa Chiêm Xuân 48.500 ha, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày 24.000 ha, cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm 3.802 ha*); Ước thực hiện năm 2022 diện tích tưới đạt 155.202/155.202 ha đạt 100% KH; Tiêu cho diện tích 136.735 ha, đạt 100% kế hoạch.

Thực hiện tốt công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng, khai thác và đảm bảo an toàn cho 1.300 công trình thủy lợi bao gồm: 274 hồ chứa các loại (*có 24 hồ chứa lớn, 17 hồ chứa vừa, 233 hồ chứa nhỏ*); 203 đập dâng (*có 03 đập dâng lớn, 200 đập dâng nhỏ và phai tạm*); 823 trạm bơm (*có 41 trạm bơm vừa và lớn, 782 trạm bơm nhỏ cục bộ*); 7.925 km kênh mương tưới, tiêu các cấp (kênh tưới dài 6.482 km đã kiên cố hóa được 2.896,8 km; đạt 44,7%; kênh tiêu dài 1.443 km toàn bộ là kênh đất), đáp ứng yêu cầu sản xuất theo kế hoạch giao; xây dựng các phương án chống hạn, duy tu sửa chữa, vận hành, điều tiết các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất...

4.2. Công tác quản lý đê điều và phòng chống TT và TKCN

Đã tham mưu xây dựng quy chế trực ban Phòng, chống thiên tai; ban hành các văn bản chỉ đạo hướng dẫn về công tác phòng chống thiên tai kịp thời hạn chế mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra; tham mưu UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh tổng kết công tác phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn năm 2021, triển khai nhiệm vụ công tác năm 2022 đề các ngành, các địa phương tổ chức thực hiện; chỉ đạo các địa phương, các cấp, các ngành và thực hiện tốt công tác kiểm tra đê, kè, cống, duy tu bảo dưỡng đê điều đảm bảo an toàn phòng chống lũ; thực hiện tổ chức trực ban nghiêm túc 24/24h để nắm bắt thông tin, tổng hợp báo cáo, tham mưu kịp thời cho Ban Chỉ huy PCTT-TKCN, UBND tỉnh xử lý, ứng phó với các tình huống thiên tai xảy ra. Trong 06 tháng xử lý vi phạm đê điều được 15/109 trường hợp theo kế hoạch, đạt 13,8% (TPBG 04, Lục Nam 03, Tân Yên 02, Hiệp Hòa 06). Tổng số vụ vi phạm được ngăn chặn từ 01/01/2022 đến nay là 09 trường hợp, trong đó TP Bắc Giang 04, Lạng Giang 02, Yên Dũng 03.

4.3. Công tác xử lý sự cố, duy tu bảo dưỡng đê điều 2022:

- Công trình (quỹ PCTT): xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt trượt chân, mái kè khu vực Đò Mom đoạn từ K14+550-K14+700 đê hữu Thương huyện Tân Yên. Hiện đang thi công thả đá hộ chân khối lượng khoảng 600 m³;

- Công trình xử lý cấp bách (ngân sách Trung ương): xử lý cấp bách sự cố sạt trượt kè Lãn Chanh 2 đoạn từ K12+800-K12+993 đê hữu Thương huyện Tân Yên. Hiện đang thi công thả đá hộ chân khối lượng khoảng 300m³ và công tác GPMB;

- Công trình: xử lý cấp bách sự cố sạt trượt chân đê phía sông đoạn từ K13+639-K13+945 đê hữu Thương huyện Tân Yên. Hiện đang thi công thả đá hộ chân khối lượng khoảng 300m³ và công tác GPMB;

Trong 6 tháng cuối năm tiếp tục tham mưu, lập phương án xử lý khẩn cấp các sự cố về đê điều đảm bảo (100% các sự cố) đạt hiệu quả có tính khả thi cao;

5. Công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi

5.1. Công tác Bảo vệ thực vật: Toàn tỉnh có một số diện tích cây trồng bị nhiễm bệnh, trong đó:

+ *Trên cây lúa:* Tổng diện tích nhiễm sâu bệnh là 13.321 ha; nhiễm nặng 795 ha; diện tích phòng trừ 18.690 ha.

+ *Cây rau màu:* Tổng diện tích nhiễm toàn tỉnh 1.184 ha, nhiễm nặng 9 ha, phòng trừ 1.300 ha.

+ *Trên cây vải thiều:* Tổng diện tích nhiễm sâu bệnh toàn tỉnh 5.722 ha, phòng trừ 12.402 ha.

+ *Trên cây có múi:* Tổng diện tích nhiễm 392 ha, phòng trừ 790 ha.

5.2. Công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi: Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các Kế hoạch, văn bản chỉ đạo

phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc gia cầm kịp thời, đầy đủ và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; dịch bệnh trên đàn vật nuôi được kiểm soát².

- Công tác vệ sinh tiêu độc khử trùng: Triển khai tháng tổng vệ sinh khử trùng tiêu độc môi trường để phòng chống bệnh dịch trên địa bàn toàn tỉnh (từ ngày 20/3/2022-20/4/2022) đã huy động được hơn 44 nghìn lượt người tham dự; hàng nghìn km đường giao thông nông thôn được quét dọn, vệ sinh; hàng trăm km công rãnh được khơi thông; thu gom rác thải, xác động vật và xử lý. Tổng lượng hóa chất, vôi bột đã sử dụng trong tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng là 12.278 lít hóa chất (trong đó có 2.000 lít do tỉnh cấp; 10.278 lít do các huyện, thành phố và người dân tự mua) và 627 tấn vôi bột.

- Công tác tiêm phòng: Đã chỉ đạo và tổ chức triển khai tiêm phòng các loại vắc xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm trên địa bàn toàn tỉnh theo 02 đợt chính: đợt 1 vào tháng 3 và tháng 5, đợt 2 vào tháng 9 và tháng 11. Ngoài ra tiêm phòng bổ sung các loại vắc xin cho các đối tượng vật nuôi chưa được tiêm phòng, hết thời gian miễn dịch. 10/10 huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch triển khai tiêm phòng, riêng huyện Yên Thế triển khai tiêm các loại vắc xin, trừ vắc xin Cúm gia cầm tiêm theo Đề án vùng an toàn dịch bệnh. Trong 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh đã tổ chức tiêm phòng được 25,8 triệu liều vắc xin gia cầm các loại, 1.520.000 liều vắc xin các loại trên đàn lợn với nguồn đối ứng của người dân.

- Công tác kiểm dịch vận chuyển ngoại tỉnh: 06 tháng đầu năm 2022, tổng số chuyến kiểm dịch đã thực hiện được là 3.407 chuyến, gồm: 41 chuyến trâu, bò (578 con), 1.526 chuyến lợn (197.040 con), 1.583 chuyến gia cầm (4.364.183 con), 257 chuyến sản phẩm động vật (64.229 kg). Dự kiến đến hết năm 2022: tổng số chuyến kiểm dịch thực hiện gần 7.000 chuyến.

- Công tác xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh và giám sát an toàn dịch bệnh: Trên địa bàn tỉnh hiện có 82 cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh động vật, trong đó có 38 cơ sở chăn nuôi lợn (an toàn với bệnh Lở mồm long móng và Dịch tả lợn) và 44 cơ sở chăn nuôi gia cầm (an toàn với bệnh Cúm gia cầm và Newcastle).

6. Công tác quản lý chất lượng NLS&TS, Khuyến nông

6.1. Công tác quản lý chất lượng NLS&TS: Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo Chi cục QLCLNLS&TS phối hợp các đơn vị liên quan tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về chất lượng VSATTP nông lâm nghiệp thủy sản (sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp Hữu cơ,...); kiểm tra, đánh giá phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh chế biến nông sản thực phẩm trên địa bàn. 6 tháng đầu năm đã kiểm tra, thẩm định và cấp giấy chứng nhận ATTP cho 21 cơ sở về sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản; kiểm tra chuyên ngành về ATTP theo kế hoạch đối với 04 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản thực phẩm; kết quả đều đạt theo quy định.

² Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 09/02/2022 về kế hoạch phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2022, Kế hoạch số 158/KH - UBND ngày 03/3/2022 về Phòng, chống dịch bệnh Đại động vật giai đoạn 2022-2030, Công văn số 952/UBND-NN ngày 10/3/2022 về việc triển khai Tháng tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc môi trường phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và Công văn số 1533/UBND-NN ngày 12/4/2022 về việc tăng cường phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

Kiểm tra, đánh giá phân loại theo thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 đối với 13 cơ sở về sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản. Kết quả, có 02 cơ sở tạm ngừng hoạt động, 01 cơ sở xếp loại A, 10 cơ sở xếp loại B, đáp ứng điều kiện về ATTP.

Tiếp tục triển khai, thực hiện Đề án “Xây dựng mô hình sản xuất Nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2025”: Đã xây dựng 03 mô hình điểm thuộc lĩnh vực trồng trọt³, xây dựng 02 mô hình lợn thịt hữu cơ, 01 mô hình gà thịt hữu cơ⁴. Đến nay, mô hình chăn nuôi lợn đã được cấp GCN phù hợp với tiêu chuẩn hữu cơ, mô hình rau và bưởi đang trong giai đoạn hỗ trợ, triển khai, mô hình chè bước đầu khảo sát, lấy mẫu đất nước gửi đi phân tích chất lượng.

6.2. Công tác Khuyến nông:

Đã tổ chức và phối hợp với các cơ quan truyền thông thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền, tiếp tục phối hợp chỉ đạo xây dựng các mô hình khuyến nông năm 2021 như sau: Mô hình trồng rừng gỗ lớn bằng giống keo lai mô năm 2021 quy mô 28,5ha tại xã Vô Tranh, huyện Lục Nam (16 hộ tham gia). Cây sinh trưởng phát triển tốt; Mô hình sản xuất vải hữu cơ liên kết tiêu thụ sản phẩm năm 2021. Quy mô 04ha tại xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn (03 hộ tham gia mô hình) và 03ha tại xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên (02 hộ tham gia). Cây đang sinh trưởng phát triển tốt; Mô hình liên kết sản xuất bưởi hữu cơ năm 2021, quy mô 2,5ha tại xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn (03 hộ tham gia) và 02 ha tại xã Bình Sơn, huyện Lục Nam (05 hộ tham gia). Cây đang sinh trưởng phát triển tốt.

Triển khai xây dựng các mô hình năm 2022 cụ thể như sau: Mô hình ứng dụng thiết bị bay không người lái để phòng trừ sâu bệnh hại trong sản xuất vải thiều theo tiêu chuẩn VietGap xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, quy mô 10 ha; Mô hình ứng dụng thiết bị bay không người lái để phòng trừ sâu bệnh hại trong sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGap tại xã Dương Đức, huyện Lạng Giang và xã Tự Lạn, huyện Việt Yên với quy mô 34 ha; Mô hình trồng cây lâm sản ngoài gỗ và liên kết tiêu thụ sản phẩm cây trà hoa vàng với quy mô 6 ha tại xã Trường Sơn, huyện Lục Nam; Mô hình trồng rừng gỗ lớn hướng tới quản lý rừng bền vững đối tượng cây keo lá tràm mô với quy mô 38 ha tại xã Sơn Hải, huyện Lục Ngạn; Mô hình nuôi cá Trắm đen thâm canh trong ao quy mô 01 ha tại xã Đức Giang huyện Yên Dũng; Mô hình ứng dụng công nghệ sinh học nuôi cá trắm cỏ sử dụng 100% thức ăn công nghiệp quy mô 01 ha tại xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa; Mô hình ứng dụng công nghệ số vào nuôi cá rô phi thâm canh quy mô 01 ha tại xã Dương Đức huyện Lạng Giang.

7. Phát triển nông thôn

7.1. Phát triển HTX, THT, trang trại nông nghiệp

Tình hình phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2022 đã có bước phát triển ổn định, ngày càng có chuyển biến

³ 01 mô hình cam bưởi hữu cơ, quy mô 01 ha tại huyện Lục Ngạn hoặc Lạng Giang; 01 Mô hình sản xuất rau hữu cơ quy mô 01 ha tại huyện Việt Yên; 01 Mô hình sản xuất chè hữu cơ, quy mô 01 ha tại huyện Yên Thế

⁴ 02 mô hình lợn thịt hữu cơ, quy mô 300 con tại Lục Nam; 01 mô hình gà thịt hữu cơ quy mô 3.000 con tại huyện Yên Thế.

tích cực theo hướng nâng cao chất lượng hoạt động, dần khẳng định được ưu thế và vai trò của HTX đối với phát triển kinh tế hộ thành viên, kinh tế địa phương. Đóng góp của HTX, LH HTX tới kinh tế hộ thành viên thể hiện qua những tác động những tích cực, thúc đẩy sự phát triển sản xuất tập trung theo quy trình, kế hoạch cụ thể, từ đó HTX giúp cho thu nhập của hộ gia đình thành viên tăng trung bình 14-15% nhờ việc giảm giá các dịch vụ sản xuất đầu vào và bao tiêu sản phẩm đầu ra. Đồng thời HTX là tổ chức đại diện cho hộ nông dân thực hiện liên kết sản xuất với doanh nghiệp giúp các thành viên có hướng tiêu thụ sản phẩm ổn định, bền vững. Toàn tỉnh 06 tháng đầu năm có trên 100 HTX nông nghiệp có hoạt động liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; 66 HTX nông nghiệp có phẩm OCOP được UBND tỉnh công nhận; 48 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- *Về Hợp tác xã*: Tính đến hết tháng 6/2022, số HTX nông nghiệp toàn tỉnh có 641 HTX (208 HTX trồng trọt; 95 HTX chăn nuôi; 136 HTX thủy lợi; 44 HTX thủy sản; 4 HTX lâm nghiệp và 154 HTX tổng hợp), trong đó có 33 HTX được thành lập mới. Trong tổng số HTX, có 45,6% HTX hoạt động khá, tốt; 19,5% HTX hoạt động trung bình; 7,1% HTX hoạt động yếu kém; 27,9% HTX chưa đánh giá xếp loại (do HTX ngừng hoạt động và HTX thành lập dưới 01 năm chưa đủ điều đánh giá, xếp loại). Trong 6 tháng đầu năm 2022 đã có 02 HTX nông nghiệp tiến hành giải thể (02 HTX tổng hợp).

Một số HTX Nông nghiệp hoạt động hiệu quả, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến mang lại giá trị kinh tế cao như: HTX rau sạch Yên Dũng (sản phẩm cung cấp chủ lực là các loại rau, củ, quả sạch sản xuất theo tiêu chuẩn Vietgap, trong đó có 2 sản phẩm OCOP 4 sao và 2 sản phẩm 3 sao. Quy mô sản xuất 60 ha với hơn 100 lao động, trong đó có khoảng 13 ha nhà lưới CNC với hệ thống tưới nhỏ giọt và bón phân 2 tự động của Izarel); HTX Nông nghiệp xanh Yên Thế (sản phẩm tiêu biểu gà đồi hút chân không, giò gà, chả gà,...tất cả các sản phẩm của HTX đều được công nhận là sản phẩm OCOP 4 sao trong các năm 2019 và 2021); HTX Nông nghiệp xanh Yên Thế (sản phẩm gà đồi của HTX được chăn nuôi, chăm sóc theo tiêu chuẩn Vietgap cùng quy trình chế biến đảm bảo an toàn VSTP đã được nhiều thị trường biết đến và tin tưởng tiêu dùng như Quảng Ninh; Hà Nội; Hải Phòng;...).

- *Về Tổ hợp tác*: Số lượng Tổ hợp tác được cấp xã chứng thực là 65 tổ (không có biến động so với năm 2021). Trong đó có: 33 tổ hợp tác dùng nước, 24 tổ trồng trọt, 07 tổ thủy sản, 01 tổ chăn nuôi. Tổng số thành viên THT khoảng trên 975 người. Doanh thu và lợi nhuận của các THT trên địa bàn trung bình đạt mức khá, tuy nhiên doanh thu lại không bền vững và khó xác định một phần do cách thức tổ chức sản xuất của các THT vẫn còn rời rạc, thiếu liên kết, chủ yếu là riêng lẻ từ các hộ thành viên, việc ghi chép không có hệ thống dẫn tới công tác thống kê gặp nhiều khó khăn.

- *Về Trang trại*: Số lượng trang trại đạt tiêu chí quy định tại Thông tư số 02/2020/TT- BNNPTNT ngày 28/02/2022 của Bộ Nông nghiệp & PTNT là 507 trang trại, tăng 55 trang trại so với năm 2021. Trong đó có: 330 trang trại chăn nuôi, 102 trang trại tổng hợp, 42 trang trại trồng trọt, 25 trang trại thủy sản, 8

trang trại lâm nghiệp. Đa số các trang trại hoạt động có hiệu quả, quy mô trang trại ngày càng mở rộng về diện tích cũng như đầu tư vốn. Các chủ trang trại đã làm quen với kinh tế thị trường, thích ứng với nhiều loại cây trồng, con gia súc có yêu cầu kỹ thuật cao, đưa nhanh tiến bộ KHKT vào sản xuất, tạo nhu cầu hợp tác, quan hệ giữa các chủ trang trại với nhau cũng như giữa các trang trại với các doanh nghiệp, với cơ quan nhà nước và nhà khoa học.

7.2. Chương trình OCOP: Luỹ kế đến hết năm 2021 toàn tỉnh có 155 sản phẩm OCOP, trong đó có 36 sản phẩm 4 sao, 119 sản phẩm 3 sao. Theo Kế hoạch năm 2022 dự kiến có trên 40 sản phẩm tham gia đánh giá, phân hạng đợt 1 (tháng 7/2022); đợt 2 (đánh giá trong tháng 10/2022) có khoảng 50 sản phẩm tham gia. Ước năm 2022 thực hiện hoàn thành 100% kế hoạch phát triển và tiêu chuẩn hoá tối thiểu 30 sản phẩm tham gia Chương trình OCOP đạt từ 03 sao trở lên; Phát triển 01 sản phẩm du lịch cộng đồng. Tham gia 02 sự kiện triển lãm (*Hội chợ OCOP Quảng Ninh - Hè 2022; triển lãm Festival trái cây và sản phẩm OCOP Việt Nam năm 2022 tại tỉnh Sơn La*) nhằm triển lãm, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của tỉnh: vải thiều Lục Ngạn, vải sớm Phúc Hòa, mỳ gạo Lục Ngạn, chè xanh bản ven, vũ sữa Hợp Đức, mật ong Tây Yên Tử, đông trùng hạ thảo, ôi Tân Yên, rượu nếp cái hoa vàng,...

7.3. Về lĩnh vực làng nghề, ngành nghề

Hiện toàn tỉnh có 27 làng nghề, làng nghề truyền thống hoạt động theo quy định, trong đó có: 14/27 làng nghề hoạt động phát triển mạnh chủ yếu ở các nhóm nghề chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh, sản xuất mộc dân dụng; 18 sản phẩm làng nghề được cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP (trong đó có 07 sản phẩm đạt 4 sao, 11 sản phẩm đạt 03 sao). Nhiều làng nghề đã xây dựng được thương hiệu, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn cho sản phẩm, điển hình như: sản phẩm mỳ gạo của làng nghề Thổ Dương, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn; sản phẩm rượu Làng Vân của làng nghề Yên Viên, xã Vân Hà, huyện Việt Yên; sản phẩm bánh đa của làng nghề thôn Sau, phường Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang; sản phẩm mỳ gạo của làng nghề Châu Sơn, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên; sản phẩm bánh đa nem của làng nghề Thổ Hà, xã Vân Hà, huyện Việt Yên;....

7.4. Về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn

Phối hợp với Sở Lao động, Thương binh & Xã hội tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về phê duyệt danh mục nghề và mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2022.

Phối hợp với các huyện, thành phố tổng hợp nhu cầu 112 chỉ tiêu đào tạo nghề giám đốc hợp tác xã giai đoạn 2022-2025 đăng ký với Cục Kinh tế hợp tác và PTNT.

8. Xây dựng nông thôn mới

Tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo giao chỉ tiêu, kế hoạch cho các địa phương về thôn nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới, nâng cao, kiểu mẫu; ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng

nông thôn mới năm 2022; phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022 tại Quyết định 321/QĐ-UBND ngày 31/03/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang; thành lập Tổ công tác Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025. Trình phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022. Xây dựng Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp (xã, huyện) theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu) giai đoạn 2021-2025. Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm như sau:

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: Hết tháng 6/2022, tỉnh Bắc Giang có 138/182 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 75%. Dự kiến hết năm 2022, có 145/182 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 79,7%.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Hết tháng 6/2022, tỉnh Bắc Giang có 23 xã nông thôn mới nâng cao. Dự kiến hết năm 2022, có 41 xã nông thôn mới nâng cao, chiếm 22,3%.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: Hết tháng 6/2022, tỉnh Bắc Giang chưa có xã nông thôn mới kiểu mẫu. Dự kiến hết năm 2022, có 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: Hết tháng 6/2022, tỉnh Bắc Giang có 06 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (trong đó có 05 huyện và thành phố Bắc Giang hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới).

- Bình quân tiêu chí/xã: Hết tháng 6/2022, bình quân tiêu chí/xã đạt 16,9 tiêu chí/xã. Dự kiến hết năm 2022, đạt 17,1 tiêu chí/xã.

- Thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (theo Bộ tiêu chí tỉnh Bắc Giang quy định): Hết tháng 6/2022, tỉnh có 150 thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Dự kiến hết năm 2022, có 239 thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

9. Công tác thanh tra chuyên ngành

Từ ngày 01/12/2021 đến ngày 15/5/2022, tổng số vụ vi phạm bị phát hiện là 118 vụ, tăng 45 vụ so với cùng kỳ năm trước. Trong đó số vụ vi phạm đã ban hành quyết định xử lý hành chính 113 vụ, tăng 49 vụ so với cùng kỳ năm trước; số vụ xử lý bằng hình thức truy cứu trách nhiệm hình sự 02 vụ, tăng 01 vụ so với cùng kỳ năm trước; còn tồn 03 vụ vi phạm chưa xử lý, do chưa xác định được đối tượng vi phạm, hiện đang điều tra, xác minh hoàn thiện hồ sơ để xử lý theo quy định, cụ thể: Lĩnh vực nông nghiệp đã phát hiện, xử lý 50 vụ, số vụ ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 25 vụ.; Lĩnh vực lâm nghiệp đã phát hiện 68 vụ, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính 63 vụ, chuyển cơ quan điều tra, khởi tố 02 vụ; 03 vụ vi phạm chưa xử lý, do chưa xác định được đối tượng vi phạm, hiện đang điều tra, xác minh hoàn thiện hồ sơ để xử lý theo quy định. Tổng số tiền phạt thu nộp ngân sách nhà nước là 1.435.360.000 đồng, tăng 423.880.000 đồng so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Lĩnh vực Nông nghiệp xử phạt 263.910.000đ, tăng 61.180.000đ so với cùng kỳ năm trước; lĩnh vực lâm nghiệp xử phạt 1.171.450.000đ, tăng 362.700.000đ so

với cùng kỳ năm trước. Tịch thu 23,617 m³ gỗ các loại, 01 xe máy, 02 cưa xăng và 25,8 tấn lâm sản khác, tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu là 47.240.000 đồng.

10. Tình hình thực hiện Quyết định số 106/QĐ-BNN-KH ngày 12/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ và Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 17/01/2022 về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

Thực hiện Quyết định số 106/QĐ-BNN-KH ngày 12/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ và Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã sớm ban hành Kế hoạch số 16/KH-SNN ngày 27/01/2022 để tổ chức triển khai thực hiện. 6 tháng đầu năm 2022, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở đã tích cực triển có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra, một số chỉ tiêu chính được đánh giá hoàn thành và vượt so với kế hoạch.

Giá trị sản xuất toàn ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản ước tăng 2,7% so với năm 2021. Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và xây dựng nông thôn mới. Phát triển nông nghiệp đa dạng bền vững theo hướng sản xuất tập trung quy mô lớn, ứng dụng khoa học kỹ thuật, nhất là ứng dụng công nghệ cao. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các Đề án, cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh để hỗ trợ sản xuất nâng cao giá trị gia tăng. Phối hợp với các địa phương và đơn vị liên quan đẩy mạnh xúc tiến thương mại, thúc đẩy mở rộng thị trường tiêu thụ xuất khẩu các sản phẩm chủ lực, thế mạnh của tỉnh. Các nhiệm vụ được giao chủ trì chuẩn bị nội dung trình Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Thực hiện vốn đầu tư công năm 2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao quản lý 14 dự án thuộc 3 lĩnh vực (do các đơn vị trực thuộc Sở làm chủ đầu tư), cụ thể: 12 dự án thuộc lĩnh vực nước sạch nông thôn, 2 dự án thuộc lĩnh vực lâm nghiệp, 2 dự án thuộc lĩnh vực phát triển nông thôn; theo dõi quản lý Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; và 1 tiểu dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Miền núi.

- Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2022 đến 31/7/2022 là 480.372 triệu đồng, trong đó: 15 tỷ là vốn Dự án Nâng cao năng lực PCCCR; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang, 465,372 triệu là kế hoạch vốn của 2 Chương trình MTQG; còn các dự án nước sạch nông thôn đã được Thủ tướng Chính phủ giao 5,670 tỷ đồng tại Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa

phương (đợt 2), nhưng đến nay chưa được UBND tỉnh Bắc Giang phân bổ vốn cho các dự án để thực hiện.

- Ước 7 tháng đầu năm 2022, giá trị giải ngân đạt 3.800 triệu đồng (trong đó: Dự án Nâng cao năng lực PCCCR; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang là 3.800 triệu đồng, các dự án khác chưa được cấp vốn (*các dự án nước sạch*) hoặc mới được giao vốn (chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới) nên chưa có số liệu giải ngân.

- Ước giá trị giải ngân cả năm 15.000 triệu đồng, đạt 100% KH, trong đó: Dự án Nâng cao năng lực PCCCR; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang là 15 tỷ đồng).

(Chi tiết theo Phụ lục 3 đính kèm)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Trong 6 tháng đầu năm ngành nông nghiệp đạt kết quả tích cực, một số chỉ tiêu thực hiện vượt so với cùng kỳ năm trước, nông nghiệp tiếp tục phát triển toàn diện, ổn định khẳng định vai trò trụ đỡ của nền kinh tế; nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, gắn với các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ để thúc đẩy sản xuất, nâng cao giá trị sản phẩm và thu nhập cho người dân. Vụ chiêm xuân đảm bảo khung thời vụ, năng suất đạt cao (60,6 tạ/ha); sản xuất vải thiều tiếp tục được mùa (sản lượng đạt 199,5 nghìn tấn), chất lượng được đánh giá cao nhất từ trước đến nay; các nông sản đến kỳ thu hoạch được tiêu thụ khá thuận lợi; dịch bệnh trên đàn vật nuôi, thủy sản được kiểm soát, chăn nuôi phát triển, sản xuất thủy sản thuận lợi, công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng; chương trình 1 tỷ cây xanh bước đầu đạt kết quả, trồng được 6,1 triệu cây đạt 100% kế hoạch. Cơ quan chuyên môn nắm chắc tình hình, chủ động tham mưu ban hành sớm văn bản chỉ đạo tạo tiền đề thực hiện tốt các nhiệm vụ năm 2022.

2. Một số khó khăn, tồn tại hạn chế

Sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm diễn ra trong điều kiện thời tiết có diễn biến dị thường (rét đậm kéo dài, mưa lớn) đã gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

Giá vật tư đầu vào phục vụ sản xuất tăng cao (*phân bón tăng 50%, thức ăn chăn nuôi, thủy sản tăng 15-20%, thuốc BVTV tăng 10-20% so với năm 2021...*), do đó đã ảnh hưởng nhiều đến việc đầu tư sản xuất của bà con nông dân. Các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn vật nuôi (*Cúm gia cầm, viêm da nổi cục trâu bò, dịch tả lợn Châu Phi...*) luôn tiềm ẩn nguy cơ xâm nhiễm, phát sinh trên địa bàn tỉnh. Kinh phí dành cho công tác phòng chống dịch còn thấp.

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được thông báo nguồn vốn ngân sách trung ương chậm; một số chỉ tiêu, tiêu chí trung ương giao tỉnh chưa

được ban hành nên tiến độ thực hiện chương trình còn chậm. Cơ chế chính sách giai đoạn 2021 -2025 chưa được Trung ương hoàn thiện đã gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện.

Kết quả xử lý các vi phạm bảo vệ công trình thủy lợi và Luật đê điều, Luật PCTT còn đạt thấp. Tình trạng tranh chấp đất lâm nghiệp tại một số nơi tiềm ẩn mất ANTT, số vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp tăng, nhất là tình trạng phát phá rừng tự nhiên (6 tháng đầu năm xảy ra 49 vụ, tập trung tại các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam).

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

A. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2023 được xây dựng trong bối cảnh thuận lợi và khó khăn đan xen. Kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Giá cả nguyên vật liệu sản xuất, lạm phát có nguy cơ gia tăng. Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vừa là thời cơ, vừa là thách thức. Biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng về cả tác động và cường độ....

Trong nước, tình hình chính trị-xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định; dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát; Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội tiếp tục được triển khai; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên. Tuy nhiên, trong giai đoạn tới có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn và thách thức như sau:

1. Thuận lợi

- Xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, tự do hóa thương mại, các cơ chế hợp tác song phương và đa phương vẫn diễn ra mạnh mẽ, điều đó cũng tạo ra cơ hội và thách thức đối với thị trường tiêu thụ nông sản của Việt Nam nói chung và tỉnh ta nói riêng; tạo cơ hội để tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ quản lý của các nước tiên tiến.

- Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ nhất là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; khoa học công nghệ về gen, kiểm soát sâu bệnh và dịch bệnh, sử dụng phụ phẩm và chất thải nông nghiệp, công nghệ bảo quản, chế biến, công nghệ thông tin trong quản lý,... tiếp tục là động lực quan trọng cho sự phát triển nông nghiệp trong thời gian tới.

2. Khó khăn và thách thức

- Tình hình thế giới diễn biến phức tạp đặc biệt là xung đột giữa Nga-Ukraine ảnh hưởng đến giá vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất và tiêu thụ nông sản.

- Biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan, khó lường, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt dịch Covid vẫn diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nông dân.

- Hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, thị trường hàng nông sản cạnh tranh ngày càng khốc liệt, đặc biệt yêu cầu về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm đòi hỏi ngày càng cao.

- Quá trình công nghiệp hóa, phát triển đô thị đang diễn ra theo chiều rộng, tất yếu dẫn đến việc giảm một phần khá lớn diện tích đất và tài nguyên nước của sản xuất nông nghiệp, lực lượng lao động trẻ từ khu vực sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp, xây dựng, dịch vụ.

- Ô nhiễm môi trường và các mối nguy hại về ô nhiễm môi trường, tài nguyên (đất, nước) ngày càng lớn và phức tạp hơn.

B. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN NĂM 2023

1. Mục tiêu chung

Phát triển nông nghiệp Bắc Giang theo hướng hiện đại, bền vững trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh địa phương, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thích ứng với cơ chế thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế. Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, các nông sản có năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và hướng tới xuất khẩu; Nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống cho người dân nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Một số mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản dự kiến đạt 1,0-1,5%/năm.

- Diện tích cây lương thực có hạt 108.000 ha, sản lượng lương thực đạt 613.360 tấn.

- Giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 138 triệu đồng.

- Sản lượng thịt hơi các loại đạt 282 nghìn tấn.

- Tỷ lệ che phủ rừng 37,8%.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch đạt quy chuẩn (theo quy định của Bộ Y tế hoặc Quy chuẩn kỹ thuật địa phương do UBND tỉnh ban hành.) đạt 56,5%; Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước HVS đạt 100%.

- Năm 2023 có thêm 9 xã đạt chuẩn nông thôn mới, lũy kế tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 154/182 xã (chiếm 84,6% tổng số xã); Bình quân mỗi xã tăng thêm tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới/ xã là 0,3 tiêu chí/ xã, lũy kế là 17,4 tiêu chí/xã.

(Chi tiết theo Phụ lục 01, 02 đính kèm)

III. KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ SỰ NGHIỆP KINH TẾ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ NĂM 2023

Dự kiến đề xuất kế hoạch vốn 2023 cho các dự án của ngành nông nghiệp Bắc Giang là 697.166 triệu đồng (trong đó đã bao gồm 5.670 triệu đồng kế hoạch vốn năm 2022 của các dự án nước sạch chưa được giao vốn, cụ thể:

- Vốn ngân sách địa phương: 82.213 triệu đồng (*trong đó: 17.557 triệu đồng của Dự án đầu tư hỗ trợ đời sống, sản xuất cho hộ tái định cư và cộng đồng dân sở tại của một số xã có tiếp nhận tái định cư dự án di dân, tái định cư Trường bản QG KV 1 TB1; 2.776 triệu đồng của các dự án thuộc Chương trình nước sạch; 61.880 triệu đồng cho các dự án thuộc Chương trình MTQG XD NTM*).

- Vốn ngân sách Trung ương bổ sung cho địa phương: 614.953 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn trong nước: 592.558 triệu đồng (*gồm: 199.055 triệu đồng vốn thu hồi vốn ứng trước cho dự án Dự án Di dân tái định cư Trường bản quốc gia khu vực 1 tỉnh Bắc Giang; 20.000 triệu đồng cho dự án Dự án nâng cao năng lực PCCCR; Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bắc Giang; 300.000 triệu đồng cho các dự án thuộc Chương trình MTQG XD NTM; 73.503 triệu cho tiểu dự án 1 thuộc Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Miền núi*)

+ Vốn nước ngoài: 22.395 triệu đồng cho các dự án thuộc Chương trình nước sạch.

(Chi tiết theo Phụ lục 3 đính kèm)

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức, tuyên truyền, quán triệt, tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị về phát triển ngành của Trung ương cụ thể: Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật.

2. Nâng cao chất lượng công tác tham mưu cho Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh cụ thể hoá các Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch của Trung ương để tổ chức

triển khai thực hiện. Tập trung cao triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025, đồng thời tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh về thực hiện về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành; tiếp tục rà soát, sửa đổi, hoàn thiện, bổ sung chính sách hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh nhằm tăng cường thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, trong đó chú trọng các cơ chế, chính sách phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản theo quy trình sản xuất tiên tiến (VietGap, GlobalGap, hữu cơ,...), sản xuất theo chuỗi giá trị và các chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao⁵.

2. Đẩy mạnh thực hiện Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh theo hướng phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường sinh thái; thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập kinh tế; xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh; đồng thời, khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Mở rộng diện tích sản xuất rau an toàn; diện tích sản xuất vải theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sâu bệnh. Kiểm soát chặt chẽ sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

- Phát triển chăn nuôi lợn, gà theo hình thức trang trại tập trung, an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, chăn nuôi hữu cơ; tập trung khôi phục đàn lợn đảm

⁵ Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh về Cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021- 2025; Đề án “Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025”; Đề án hỗ trợ phát triển sản xuất cây ăn quả có múi theo tiêu chuẩn an toàn, bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025; Đề án xây dựng vùng an toàn dịch bệnh Cúm gia cầm và Niu-cát-xon đối với gà trên địa bàn huyện Yên Thế giai đoạn 2021-2025; Đề án hỗ trợ cơ sở sản xuất giống dê giai đoạn 2021-2025; Đề án thí điểm vùng chăn nuôi bò ứng dụng công nghệ cao, tập trung quy mô lớn trên địa bàn huyện Tân Yên, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch phòng chống dịch tả lợn Châu Phi giai đoạn 2021-2025; Đề án Phát triển tự động hóa trong nuôi thủy sản thâm canh tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Đề án hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2030; Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh Quy định mức hỗ trợ khoán quản lý bảo vệ rừng, khoán nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

bảo cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh và các địa phương khác. Điều chỉnh cơ cấu, quy mô đàn gia súc, gia cầm phù hợp với nhu cầu thị trường và diễn biến bệnh dịch tả lợn Châu Phi. Tăng cường giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, quy định chặt chẽ việc quản lý và sử dụng thuốc thú y.

- Mở rộng diện tích vùng nuôi chuyên canh, thâm canh thông qua việc đẩy chuyên gia khoa học kỹ thuật, áp dụng quy trình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP. Tổ chức thực hiện có hiệu quả đề án phát triển vùng nuôi thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGAP đã được phê duyệt.

- Tăng cường quán triệt và thực hiện nghiêm Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 31/01/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban thường vụ tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng hiện có; nâng cao năng suất, chất lượng rừng; tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng có chứng chỉ FSC. Phát triển mô hình nông lâm kết hợp; tiếp tục hoàn thiện và thực thi hiệu quả chính sách về chi trả dịch vụ môi trường rừng.

3. Tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ giữa nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã với doanh nghiệp. Thực hiện có hiệu quả cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển các Hợp tác xã trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhất là các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo chuỗi giá trị. Nghiên cứu xây dựng liên kết giữa các xã, huyện có điều kiện tương đồng trong sản xuất về giống, công nghệ, đào tạo nhân lực, phát triển hiệp hội ngành hàng,... để hình thành các sản phẩm có cùng lợi thế so sánh, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, đồng nhất về chất lượng, tăng tính cạnh tranh.

4. Theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, sâu bệnh hại trên các loại cây trồng, nhất là lúa mùa, để tiến hành phòng trừ kịp thời; chủ động các phương án tưới, tiêu đối với các diện tích có nguy cơ ngập lụt để bảo vệ sản xuất. Tập trung chỉ đạo sản xuất vụ Mùa đảm bảo khung thời vụ, trong đó lưu ý thời vụ, cơ cấu cây trồng để phát triển cây vụ Đông.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh động vật, phát hiện và khống chế dịch bệnh tại cơ sở, không để xảy ra dịch bệnh nguy hiểm; hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, thức ăn, kỹ thuật chăm sóc nhằm hạ giá thành sản phẩm. Tăng cường công tác kiểm tra dịch bệnh, công tác quản lý giống vật nuôi, tiêm phòng vacxin. Chỉ đạo tổ chức tái đàn lợn tại các cơ sở, đảm bảo chăn nuôi an toàn sinh học.

6. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, bình tuyển đàn cá bố mẹ; quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất giống thủy sản, từng bước kiểm soát được chất lượng con giống phục vụ sản xuất. Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh,

chống tràn trong mùa mưa bão; hướng dẫn các hộ nuôi trồng thủy sản đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quy trình sản xuất an toàn theo VietGAP để nâng cao năng suất, chất lượng và an toàn dịch bệnh. Triển khai Đề án phát triển tự động hóa trong nuôi thủy sản thâm canh cao tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

7. Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 31/01/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

8. Kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo công tác tưới và quản lý nguồn nước đảm bảo phục vụ sản xuất. Chỉ đạo triển khai tu bổ đê điều, kè, công đảm bảo kế hoạch. Thường xuyên phối hợp với các địa phương tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về đê điều; phòng, chống thiên tai. Phối hợp với chính quyền địa phương xử lý dứt điểm các trường hợp vi phạm mới phát sinh và các vi phạm tái diễn (*đặc biệt là các bến bãi vật liệu*) theo chỉ đạo tại công văn số 1136/UBND ngày 24/3/2020 và công văn số 1201/UBND-NN ngày 26/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh; duy trì nghiêm túc công tác trực ban phòng chống, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

9. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, kinh doanh giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

10. Tập trung chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn WB, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2022 đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án XDCB, đảm bảo giải ngân nguồn vốn đúng hạn đạt 100%. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn và dự toán NSNN ngành năm 2023 theo đúng định hướng và quy định.

11 Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; hoàn thiện bộ máy quản lý, đảm bảo sự chỉ đạo nhanh nhạy, thông suốt, chủ động và hiệu quả; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng theo quy định.

Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình, Kế hoạch cải cách hành chính; tham mưu UBND tỉnh trong việc công bố mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT.

Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch COVID-19. Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng, chống tham nhũng lãng phí. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo.

Trên đây là dự kiến Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở;
- phong_thqh_skhdt@bacgiang.gov.vn;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Dương Thanh Tùng